

Số: 1322/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 09 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cao học Khóa 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông báo số 18/TB-ĐHTDM ngày 05/04/2017 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 4 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 214 thí sinh đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cao học khóa 4 năm 2017 (danh sách đính kèm) thuộc các chuyên ngành sau:

- | | |
|------------------------|---------------|
| 1. Kế toán | : 26 thí sinh |
| 2. Quản trị kinh doanh | : 62 thí sinh |
| 3. Hệ thống thông tin | : 16 thí sinh |
| 4. Khoa học môi trường | : 07 thí sinh |
| 5. Ngôn ngữ anh | : 19 thí sinh |
| 6. Văn học Việt Nam | : 10 thí sinh |
| 7. Quản lý giáo dục | : 50 thí sinh |
| 8. Công tác xã hội | : 13 thí sinh |
| 9. Lịch sử Việt Nam | : 11 thí sinh |

Điều 2. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thông báo danh sách trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển cho các học viên có tên trong danh sách trúng tuyển và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông/Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, ĐT.



TS. Ngô Hồng Diệp

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ THI TUYỂN SINH CAO HỌC KHÓA 4 NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-ĐHTDM, ngày 9/10/2017 của Hiệu trưởng về việc công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cao học khóa 4 năm 2017)

SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (1+2)	Điểm ngoại ngữ	Ghi chú
Ngành Kế toán									
101	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/06/1995	Sông Bé	5.5	8.5	14	Miễn
102	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	29/01/1977	Hà Nam Ninh	5.5	7.25	12.75	50
103	Võ Văn	Cải	Nam	20/05/1982	Bình Dương	5	7.25	12.25	Miễn
106	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	20/03/1985	Sông Bé	6	5.5	11.5	55
107	Hoàng Thị Khánh	Hà	Nữ	14/05/1995	Cần Thơ	6.25	7.5	13.75	Miễn
108	Lê Thị Bích	Hằng	Nữ	06/05/1993	Bình Dương	8	9.75	17.75	73
109	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	20/06/1988	Bình Dương	7	9.75	16.75	88
110	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	09/12/1991	Sông Bé	6.5	8.5	15	59
111	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	Nữ	12/07/1994	Tây Ninh	8	9.5	17.5	83
112	Nguyễn Lê	Hoàng	Nam	18/11/1988	Bình Dương	7	6	13	86
114	Phạm Thị Ngọc	Lan	Nữ	05/12/1988	Quảng Trị	9	9.25	18.25	72
115	Nguyễn Thị Thanh	Liên	Nữ	08/02/1987	Lâm Đồng	5.25	7.25	12.5	78
116	Cao Thị Kim	Liên	Nữ	01/12/1989	Bình Phước	5.25	5	10.25	63
118	Nguyễn Thị Như	Ly	Nữ	12/04/1993	Quảng Ngãi	5	9	14	81
119	Ngô Trí	Mão	Nam	22/05/1989	Nghệ An	8.25	8.75	17	64
120	Phạm Quế	Minh	Nam	06/10/1982	Bình Dương	6.5	6.25	12.75	66
121	Châu Thị Mỹ	Ngân	Nữ	05/05/1985	Bình Dương	5	7	12	65
125	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	20/10/1986	Hưng Yên	5.25	5	10.25	70
126	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	22/12/1992	Bình Phước	7.25	5.75	13	78
127	Lê Thu	Thảo	Nữ	29/09/1987	Bình Dương	7.25	8.5	15.75	70
128	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	07/10/1985	Quảng Bình	5.5	5.25	10.75	60
129	Phạm Thị Mai	Trang	Nữ	16/03/1984	Bình Dương	5	6.75	11.75	66
130	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	21/07/1990	TP.HCM	7.5	9.25	16.75	85
131	Nguyễn Văn	Trường	Nam	06/06/1983	Thanh Hóa	5.5	9	14.5	60
134	Nguyễn Thị Thúy	Vân	Nữ	05/05/1975	Bình Phước	5	8.25	13.25	67
135	Phạm Hữu	Vinh	Nam	14/04/1994	Bình Dương	6.75	8.5	15.25	65
Ngành Quản trị kinh doanh									
201	Phan Nguyễn Trúc	An	Nữ	02/02/1990	Bình Phước	5.25	5.5	10.75	62
202	Diệp Trần Bảo	An	Nam	22/08/1991	Bình Thuận	5.75	7	12.75	66
204	Trần Thị Ngọc Hoàng	Anh	Nữ	15/06/1988	Bình Dương	7	7	14	63

[Signature]

SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (1+2)	Điểm ngoại ngữ	Ghi chú
205	Huỳnh Ngọc Vân	Anh	Nữ	08/03/1995	Bình Dương	5.5	7.75	13.25	Miễn	
206	Lê Ngọc	Anh	Nam	28/10/1982	TT Huế	5.5	8	13.5	59	
207	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	22/03/1993	Bình Dương	5.75	8.75	14.5	Miễn	
209	Phạm Nguyễn Tân	Bình	Nam	15/11/1990	Bình Dương	6.25	8	14.25	74	
210	Phạm Trúc	Giang	Nữ	19/03/1993	Bình Dương	5.75	7.75	13.5	Miễn	
211	Phạm Minh	Cường	Nam	02/08/1990	Bình Dương	5.25	8.25	13.5	61.5	
212	Trần Văn	Cường	Nam	27/08/1993	Bình Dương	5.25	8	13.25	Miễn	
214	Đỗ Minh	Đức	Nam	14/02/1982	Bình Dương	6.75	9.25	16	67	
215	Nguyễn Trùng	Dương	Nam	10/12/1992	Bình Phước	5.5	6	11.5	76.5	
216	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	Nam	08/11/1985	Bình Dương	5.75	6.75	12.5	69	
217	Huỳnh Thanh	Hải	Nam	15/12/1985	Bình Dương	6.25	6.75	13	62.5	
218	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	28/09/1990	Bình Dương	5.5	6.75	12.25	79	
219	Lê Thị Thu	Hằng	Nữ	06/04/1983	Hà Tĩnh	6.75	8.75	15.5	79.5	
220	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	06/05/1987	TP.HCM	6.5	5.25	11.75	69	
221	Lưu Thị Mỹ	Hoan	Nữ	29/12/1991	Phú Yên	5	9	14	72	
222	Nguyễn Hồng	Huệ	Nữ	22/08/1988	Tây Ninh	6.5	7.5	14	70.5	
223	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	04/08/1980	Hà Nam	7.25	9.5	16.75	53	
224	Hồ Xuân	Huy	Nam	10/05/1988	Nghệ An	7	9.25	16.25	68.5	
225	Lê Thái	Huỳnh	Nữ	13/12/1994	Sông Bé	7.25	9.25	16.5	Miễn	
226	Nguyễn Phạm Duy	Khánh	Nam	21/07/1988	Bình Dương	5.5	9.25	14.75	63.5	
227	Võ Ngọc	Lê	Nam	04/12/1989	Bình Định	6	9.25	15.25	69	
228	Trần Thị Mỹ	Liên	Nữ	18/02/1990	Bình Dương	5.75	8	13.75	63	
229	Lê Thị Bích	Liên	Nữ	13/01/1989	Bình Dương	7.25	9.25	16.5	Miễn	
230	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	17/08/1987	Bình Dương	5	9.25	14.25	73	
232	Lê Thụy Xuân	Mai	Nữ	18/08/1987	Bình Dương	7.75	9.25	17	77	
234	Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	04/01/1989	Bình Dương	5.75	9.25	15	59	
235	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	17/11/1990	Bình Dương	5	8	13	69	
236	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	11/06/1995	Bình Dương	7.25	9.75	17	Miễn	
238	Nguyễn Công	Nguyên	Nam	26/08/1982	Bình Dương	5.5	9.5	15	73	
239	Bùi Thị Kim	Nguyên	Nữ	06/04/1979	Bình Dương	6.5	9	15.5	67.5	
240	Bùi Phước	Nguyên	Nam	27/01/1994	Bình Dương	5	6	11	Miễn	
241	Bùi Thanh	Nhàn	Nam	01/07/1982	Bình Dương	5.75	8.25	14	61	
242	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Nữ	29/11/1992	Bình Dương	5.75	7.75	13.5	63	
243	Phan Thị Kiều	Oanh	Nữ	01/06/1993	Quảng Trị	6.25	7	13.25	77	
245	Phạm Hồng	Phúc	Nam	13/10/1990	Tây Ninh	5.5	9	14.5	72	
246	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	Nữ	20/05/1985	Sông Bé	5	8	13	57.5	
247	Võ Hà Tiểu	Phương	Nữ	24/11/1993	Bình Dương	7	9.25	16.25	59	

SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (1+2)	Điểm ngoại ngữ	Ghi chú
248	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	Nữ	30/11/1979	Bình Dương	8	9.25	17.25	67	
249	Lê Minh	Quân	Nam	11/07/1993	Bình Dương	6	6	12	Miễn	
250	Phạm Trần	Quang	Nam	22/08/1990	Bình Dương	9.25	9.75	19	78.5	
251	Nguyễn Hoàng Minh	Quang	Nam	24/07/1992	Bình Dương	7.75	8.5	16.25	68	
252	Phạm Thị Hồng	Quế	Nữ	09/11/1995	Thái Bình	8.75	8.25	17	Miễn	
256	Huỳnh Thị Kim	Thảo	Nữ	04/10/1992	Sông Bé	5	6.5	11.5	56	
257	Dương Đình	Thị	Nam	05/03/1982	Bình Phước	5.75	8.25	14	Miễn	
258	Nguyễn Lê Trang	Thị	Nữ	20/06/1988	Bình Dương	7.25	8.75	16	77	
259	Trịnh Văn	Thiện	Nam	10/05/1995	Bình Dương	5.25	5.75	11	Miễn	
260	Nguyễn Thất Thị Kim	Thoa	Nữ	10/10/1985	Bình Dương	5.75	5	10.75	64	
261	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	29/07/1987	Long An	7.5	8.75	16.25	75	
262	Hồ Minh	Thuận	Nam	12/06/1982	TP.HCM	5.5	6.5	12	Miễn	
263	Nguyễn Phúc	Toàn	Nam	22/12/1980	Bình Dương	5	8	13	66	
264	Trần Bích	Trâm	Nữ	06/02/1994	Bình Dương	5.75	6.25	12	Miễn	
267	Trần Thị Thu	Trinh	Nữ	11/10/1993	Bình Phước	5	8	13	90	
269	Nguyễn Minh	Trúc	Nam	18/06/1989	Bình Dương	5.25	8.25	13.5	81	
271	Nguyễn Nguyễn Anh	Tú	Nam	01/06/1990	Bình Dương	8	9.25	17.25	87	
277	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	03/01/1994	Bình Dương	5.5	8	13.5	Miễn	
278	Trần Thị Thu	Vân	Nữ	10/09/1992	Bình Dương	7	9	16	Miễn	
279	Nguyễn Lý Tường	Vi	Nữ	21/10/1992	Bình Dương	6.75	8.5	15.25	Miễn	
280	Nguyễn Bảo	Vinh	Nam	18/07/1983	Bình Dương	6.5	6.5	13	60	
282	Nguyễn Bảo	Xuyên	Nam	08/09/1993	Bình Dương	7.53	6.75	14.28	88	
Ngành Hệ thống thông tin										
301	Vũ Văn Thành	Ân	Nam	17/05/1985	Bình Dương	9.25	5.75	15	85	
302	Trần Hữu	Hạnh	Nam	27/03/1978	Bình Dương	7.25	5	12.25	81	
303	Nguyễn Việt Thanh	Hiền	Nam	18/07/1982	Bình Dương	9.75	6.75	16.5	75	
304	Võ Văn	Lên	Nam	17/04/1988	Sông Bé	7.5	7.5	15	68	
305	Lê Thị	Liễu	Nữ	20/11/1984	Quảng Bình	6.25	5.75	12	57	
306	Lê Huỳnh	Nam	Nam	23/07/1994	Bình Dương	6.75	8	14.75	Miễn	
307	Nguyễn Hoài	Phúc	Nam	08/06/1993	Bình Dương	9.5	7.75	17.25	Miễn	
308	Nguyễn Thành	Phúc	Nam	21/01/1978	Bình Dương	9	5	14	65	
309	Võ Văn	Quyền	Nam	22/03/1991	Hậu Giang	9.75	7.25	17	83	
310	Lưu Tuấn	Thành	Nam	06/12/1987	Thái Bình	5.25	7	12.25	57	
311	Lê Quang	Thiện	Nam	20/02/1987	Bình Phước	5.75	5.25	11	60	
312	Hồ Lê Phương	Thọ	Nữ	10/01/1984	Đồng Nai	9.5	5.5	15	70	
313	Nguyễn Trung	Tín	Nam	05/11/1985	Bình Dương	9	5.25	14.25	68	
314	Nông Kiều	Trang	Nữ	04/06/1982	Đắk Lắk	9	5.25	14.25	78	



SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (1+2)	Điểm ngoại ngữ	Ghi chú
315	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	15/01/1983	Bình Dương	8.5	5	13.5	70	
316	Vũ Hoàng	Long	Nam	16/04/1980	An Giang	7	5	12	69	
Ngành Khoa học môi trường										
401	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	30/09/1995	Bình Dương	6	5.85	11.85	Miễn	
402	Đoàn Duy	Anh	Nam	18/08/1995	Bình Dương	5	7.65	12.65	52	
403	Đoàn Thị Kim	Chi	Nữ	01/01/1994	Sông Bé	6	5.65	11.65	86	
406	Trần Ngọc	Hà	Nữ	28/02/1995	Bình Dương	6	5.5	11.5	Miễn	
407	Lê Thị Diệu	Hiền	Nữ	10/02/1995	Bình Dương	6	6.35	12.35	Miễn	
408	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	26/10/1994	Sông Bé	5	6.35	11.35	72	
410	Phạm Hiếu	Thảo	Nam	20/10/1995	Sông Bé	7.5	7.35	14.85	Miễn	
Ngành Ngôn ngữ Anh										
501	Trần Bình	Chánh	Nam	18/05/1990	An Giang	5	5.5	10.5	73.85	
502	Quảng Văn Viết	Cương	Nam	23/05/1970	Bình Dương	8.75	5	13.75	80	
503	Lê Thị Ngọc	Điểm	Nữ	19/09/1984	Phú yên	6.25	5	11.25	75	
505	Trương Ngọc	Hoa	Nữ	28/09/1994	Ninh Thuận	5	5.5	10.5	51	
507	Huỳnh Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/05/1988	Bình Dương	5.25	5.5	10.75	60	
508	Đỗ Thị Mỹ	Loan	Nữ	20/04/1993	Bình Dương	5	5	10	52	
509	Nguyễn Thị	Mận	Nữ	08/12/1972	Gia Lai	5	5.5	10.5	59	
510	Nguyễn Ngọc Châu	Ngân	Nữ	28/11/1995	Bình Dương	5	6	11	69.1	
512	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	01/04/1991	Bình Dương	6.25	7	13.25	53.3	
513	Võ Hoàng	Nguyên	Nam	22/05/1994	Bình Dương	7.5	5.5	13	Miễn	
514	Nguyễn Thị Tú	Nhi	Nữ	14/02/1983	Bình Dương	5	6.5	11.5	50	
515	Phan Thị Huỳnh	Như	Nữ	22/11/1994	Bình Dương	5	6	11	Miễn	
516	Nguyễn Kim	Oanh	Nữ	04/04/1989	Bình Dương	7.5	5	12.5	52	
517	Nguyễn Hồng	Phúc	Nữ	26/04/1986	Bình Dương	6.5	5.75	12.25	50	
518	Loan Văn	Thêm	Nam	02/02/1985	Đồng Nai	5.75	5.75	11.5	86.8	
519	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	12/02/1988	Thanh Hóa	5	5.5	10.5	70	
522	Trương Thị Thùy	Trinh	Nữ	14/05/1994	Bình Dương	6.25	5	11.25	Miễn	
524	Khấu Hoàng Kim	Thư	Nữ	17/12/1990	Bình Dương	8.5	5	13.5	78.75	
525	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	Nữ	22/02/1994	TP.HCM	5	5.5	10.5	78.6	
Ngành Văn học Việt Nam										
601	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	04/11/1994	Thanh Hóa	5.25	5.75	11	53	
602	Nguyễn Thị Gia	Bửu	Nữ	23/01/1983	Bình Phước	7.5	6	13.5	65	
603	Cao Thành	Đạt	Nam	20/01/1995	Sông Bé	5	5	10	Miễn	
604	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	20/01/1994	Sông Bé	5.25	5.5	10.75	50	
606	Nguyễn Thị Cẩm	Na	Nữ	05/05/1995	Quảng Nam	5	5	10	Miễn	
607	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	Nữ	08/10/1994	Sông Bé	9.25	7	16.25	Miễn	

SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (1+2)	Điểm ngoại ngữ	Ghi chú
609	Hà Mộng	Thúy	Nữ	25/12/1983	Tây Ninh	5	5	10	50	
610	Bùi Thị	Vân	Nữ	24/07/1987	Hải Dương	5	7	12	53	
612	Tô Thị Thanh	Hoa	Nữ	05/04/1992	Bình Thuận	5.25	7	12.25	Miễn	
613	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	02/09/1990	Nghệ An	5	6.75	11.75	51	
Ngành Công tác xã hội										
701	La Hải	Dương	Nam	22/08/1994	Bình Dương	5	7	12	Miễn	
702	Nguyễn	Duy	Nam	12/04/1990	Bình Dương	5.5	5.5	11	56	
703	Lê Xuân	Giới	Nam	19/02/1984	Hà Nội	5	6	11	50	
704	Võ Hồng	Hạnh	Nữ	22/07/1992	Bình Dương	5	7	12	53	
705	Trương Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	16/04/1980	Bình Dương	5	5	10	50	
706	Đỗ Thị Mai	Hậu	Nữ	20/09/1990	Bình Dương	5.5	8.5	14	50	
707	Ngô Đăng	Huy	Nam	15/11/1995	Bình Dương	5	6	11	Miễn	
708	Vi Thị Tâm	Lai	Nữ	04/03/1978	Quảng Ngãi	5	7	12	Miễn	
709	Phạm Thị Hương	Lan	Nữ	12/02/1979	Bình Dương	5	5	10	Miễn	
712	Danh Thị Yến	Nhi	Nữ	09/11/1988	Sông Bé	6.75	8	14.75	50	
714	Trần Ngọc	Tâm	Nam	13/10/1985	Bình Dương	5	5.5	10.5	Miễn	
717	Nguyễn Thị Kim	Thúy	Nữ	11/07/1978	Bình Dương	5	8.5	13.5	Miễn	
719	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	06/02/1985	Bình Dương	6.25	5	11.25	50	
Ngành Quản lý giáo dục										
801	Bùi Thúy	An	Nữ	03/03/1995	Bình Dương	5.75	5	10.75	Miễn	
802	Phan Thị Tú	Anh	Nữ	23/04/1980	Bình Dương	5.5	5	10.5	Miễn	
803	Nguyễn Thị Kim	Ánh	Nữ	19/10/1986	Bình Dương	7.5	5.25	12.75	58	
805	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	05/09/1977	Thái Bình	7	5	12	Miễn	
806	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	31/12/1977	Hà Tây	5.25	5	10.25	64	
807	Nguyễn Kim	Duyên	Nữ	27/04/1983	Bình Dương	5	5	10	Miễn	
808	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	23/12/1983	Bình Dương	5	5	10	53	
809	Phạm Thanh	Hải	Nam	15/05/1975	Sông Bé	5	5	10	Miễn	
810	Lê Thị	Hằng	Nữ	26/04/1988	Hà Nam	5	5	10	50	
811	Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	20/04/1981	Thanh Hóa	5.75	5	10.75	Miễn	
813	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	13/01/1988	Thái Bình	7	5.5	12.5	Miễn	
814	Nguyễn Văn	Hào	Nam	03/05/1978	Bắc Ninh	5	5	10	Miễn	
815	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	09/09/1978	Ninh Bình	6.5	5	11.5	53	
816	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	13/12/1984	Hà Tĩnh	5	5	10	62	
817	Từ Minh	Hòa	Nam	30/08/1986	Bình Dương	5	5	10	Miễn	
818	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	01/05/1979	Nghệ An	5.75	5	10.75	Miễn	
819	Lê Đức	Hoàng	Nam	13/01/1981	Thanh Hóa	5	5	10	74	
820	Lê Hùng	Huy	Nam	21/08/1981	Bình dương	5	5	10	Miễn	

SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (1+2)	Điểm ngoại ngữ	Ghi chú
821	Phan Lê	Huy	Nam	22/01/1979	TP.HCM	5	5	10	Miễn	
822	Lê Thị Phụng	Huỳnh	Nữ	19/08/1979	Bình Dương	5.75	5	10.75	Miễn	
823	Trần Quang	Kiệt	Nam	02/12/1978	Bến Tre	6	5	11	Miễn	
824	Ôn Cẩm	Loan	Nữ	22/11/1993	Sông Bé	6.75	5	11.75	Miễn	
825	Lê Văn	Long	Nam	10/09/1979	Sông Bé	5.5	5	10.5	Miễn	
826	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	Nữ	16/08/1980	Bình Dương	6.5	6.75	13.25	62	
828	Hồ Phụng	Mỹ	Nữ	28/10/1979	An Giang	5.75	5	10.75	Miễn	
829	Trịnh Văn	Nam	Nam	15/05/1978	Thanh Hóa	5.5	5	10.5	Miễn	
830	Ngô Thị Hàn	Ni	Nữ	30/10/1982	Bình Dương	5.25	6.25	11.5	64	
832	Hồ Yến	Phi	Nữ	24/08/1990	Sông Bé	5	5	10	70	
833	Nguyễn Lê	Phong	Nam	23/05/1982	Bình Dương	6	5.25	11.25	Miễn	
834	Đỗ Thị Kim	Phụng	Nữ	26/02/1995	Bình Dương	5	5	10	Miễn	
836	Huỳnh Thị Kim	Phượng	Nữ	22/02/1995	Bình Dương	9.25	5	14.25	Miễn	
837	Phạm Thị	Phượng	Nữ	24/11/1983	Hải Dương	7	5	12	Miễn	
838	Trần Văn	Rai	Nam	10/10/1982	Đồng Tháp	5.5	5	10.5	50	
839	Đỗ Minh	Tâm	Nam	10/08/1987	Bình Dương	7	5.5	12.5	55	
840	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	29/11/1975	Thanh Hóa	7.75	5	12.75	Miễn	
841	Đoàn Thị Minh	Tâm	Nữ	07/08/1987	Sông Bé	9	5.75	14.75	Miễn	
842	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	Nữ	10/10/1982	Hòa Bình	5	6.25	11.25	52	
845	Nguyễn Hoàng Thiên	Thư	Nam	09/05/1988	Nha Trang	6.5	5	11.5	Miễn	
846	Ninh Thị	Thúy	Nữ	03/05/1986	Thanh Hóa	5.25	6.75	12	Miễn	
847	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	09/06/1995	Bình Định	7.75	5	12.75	Miễn	
850	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	Nữ	09/05/1981	Bình Dương	6	5.25	11.25	Miễn	
851	Trương Thị Nha	Trang	Nữ	10/11/1983	Sông Bé	5	5	10	Miễn	
852	Cao Khắc	Trí	Nam	11/01/1982	Bình Dương	6.75	5	11.75	Miễn	
853	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	25/10/1974	Đồng Nai	5.25	5	10.25	Miễn	
854	Lê Xuân	Trường	Nam	06/01/1979	Thái Bình	6	5.75	11.75	58	
855	Văn Thị Mỹ	Tú	Nữ	21/06/1978	Bình Dương	5.25	5	10.25	Miễn	
856	Trần Thị	Tuyết	Nữ	29/07/1977	Bình Dương	5	5.25	10.25	Miễn	
857	Nguyễn Vũ Phương	Uyên	Nữ	09/05/1995	Bình Dương	5	5.25	10.25	Miễn	
858	Ngô Tân Khánh	Vĩnh	Nam	24/10/1988	Bình Dương	8.5	5	13.5	78	
859	Huỳnh Ngọc	Anh	Nữ	01/06/1977	Bình Dương	7	5	12	Miễn	
Ngành Lịch sử Việt Nam										
901	Trần Thị	Bình	Nữ	22/04/1984	Hà Tĩnh	6.5	5.5	12	56	
902	Nguyễn Anh	Đức	Nam	07/08/1982	Nghệ An	7	7	14	Miễn	
903	Lê Hải	Duy	Nam	27/07/1993	Bình Dương	7.25	7	14.25	73	
904	Trần Thị	Giang	Nữ	15/03/1981	An Giang	7.5	7.25	14.75	50	



SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Tổng (1+2)	Điểm ngoại ngữ	Ghi chú
905	Nguyễn Trần	Kiệt	Nam	19/01/1980	Thanh Hóa	7.5	6.5	14	Miễn	
906	Lê Thị Ngọc	Nga	Nữ	12/10/1987	Bình Dương	5.75	8	13.75	62	
907	Trần Thị Ngọc	Sang	Nữ	27/02/1994	TP.HCM	5	5.5	10.5	Miễn	
908	Nguyễn Trí	Thông	Nam	19/11/1992	Bình Dương	6.5	5	11.5	Miễn	
910	Nguyễn Thị	Tiền	Nữ	05/05/1995	Bình Dương	5.5	7	12.5	69	
911	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	Nữ	03/03/1994	Bình Dương	5	5	10	Miễn	
912	Nguyễn Phước Quý	Truyền	Nam	30/12/1992	Bình Dương	5.25	5.5	10.75	62	

Danh sách có 214 thí sinh trúng tuyển 